

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/DS-ST  
Ngày: 13 - 4 - 2023  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Cẩm Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Ông Vũ Đức Kiều.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang:**  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/TLST-DS, ngày 15 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thành D sinh năm 1949 Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thành D; địa chỉ: ấp TT, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng H sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố ST, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG là người đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 21/3/2023. (có mặt)

**2. Bị đơn:** Ông Trần Văn H1 sinh năm 1953 và bà Trần Thị Đ sinh năm 1954; cùng địa chỉ: số nhà 135, tổ 2, ấp TN, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG. (ông H1 có mặt, bà Đ vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2023 nguyên đơn là ông Nguyễn Thành D – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thành D trình bày:*

Trước đây ông Trần Văn H1 và vợ là bà Trần Thị Đ có đến Cửa hàng vật tư nông nghiệp do ông làm chủ để mua thiếu phân bón, thuốc trừ sâu nhiều lần, tính đến ngày 3/8/2022 tổng kết nợ ông H1, bà Đ còn nợ ông số tiền là 176.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy nợ, vợ chồng ông H1 ký nhận sổ, sau khi tổng kết nợ ông H1, bà Đ hứa đến ngày 30/9/2022 sẽ trả cho ông 20.000.000 đồng. Đến ngày hẹn trả nợ, ông có yêu cầu ông H1, bà Đ trả nợ nhưng ông H1, bà Đ chỉ hứa cho qua chứ không chịu trả.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Trần Văn H1 và vợ Trần Thị Đ liên đới trả cho ông số tiền mua thiếu phân bón và thuốc trừ sâu là 176.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi tính từ ngày khởi kiện 20/01/2023 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, lãi suất yêu cầu 1,5% /tháng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông D là ông Trần Hoàng H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông D yêu cầu vợ chồng ông H1, bà Đ liên đới trả số tiền nợ vốn gốc là 176.000.000 đồng. Ông đại diện cho ông D rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc trả tiền lãi từ ngày khởi kiện 20/01/2023 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, lãi suất yêu cầu 1,5% /tháng.

*Bị đơn là ông Trần Văn H1 trình bày:*

Ông xác định vợ chồng ông còn nợ ông Nguyễn Thành D tiền phân bón thuốc trừ sâu tổng cộng là 176.000.000 đồng của vụ lúa Hè thu năm 2022. Nguyên nhân ông không có khả năng trả nợ do ông D không bán phân cho ông nên lúa xạ được 01 tháng 2 ngày mà không có phân thuốc, ông đã lỗ vụ lúa năm 2022 gần 180.000.000 đồng.

Nay vợ chồng ông đồng ý trả cho ông D số tiền vốn gốc là 176.000.000 đồng nhưng ông không có khả năng trả một lần, ông xin được trả dần mỗi vụ lúa, vụ lúa Đông Xuân năm 2022-2023 ông sẽ trả số tiền là 20.000.000 đồng, các vụ tiếp theo có bao nhiêu ông trả bấy nhiêu. Đối với yêu cầu tính lãi, ông xin ông D bớt tiền lãi cho ông.

Tại phiên tòa hôm nay ông sẽ trả cho ông D số tiền là 20.000.000 đồng, còn lại 156.000.000 đồng vợ chồng ông sẽ trả dần theo từng vụ lúa.

*Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 22/3/2023 bị đơn là bà Trần Thị Đ trình bày:* Bà xác định vợ chồng bà có nợ ông Nguyễn Thành D tiền phân bón thuốc trừ sâu tổng số tiền là 176.000.000 đồng của vụ lúa Hè thu năm 2022. Nay vợ chồng bà đồng ý trả cho ông D số tiền này nhưng bà không có khả năng trả

một lần, bà xin được trả dần mỗi vụ lúa, vụ lúa Đông Xuân năm 2022-2023 bà sẽ trả số tiền là 20.000.000 đồng, các vụ tiếp theo có bao nhiêu bà trả bấy nhiêu. Bà Đ yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Ông Nguyễn Thành D là Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thành D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn H1, Trần Thị Đ trả số tiền mua phân bón còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông H1, bà Đ có địa chỉ nơi cư trú tại xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bà Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, xét thấy, sự vắng mặt của bà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Hoàng H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông D theo quy định tại khoản 2 Điều 144 của BLTTDS.

#### **[2] Về nội dung:**

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất xác định vợ chồng ông, bà Trần Văn H1, Trần Thị Đ còn nợ ông Nguyễn Thành D tiền phân bón thuốc trừ sâu của vụ lúa Hè thu năm 2022 tổng số tiền là 176.000.000 đồng. Đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông D yêu cầu ông H1, bà Đ thanh toán nợ một lần nhưng ông Đục, bà Hùm yêu cầu được trả dần theo các vụ lúa vì hoàn cảnh khó khăn.

Xét thấy, giao dịch của các bên là hoàn toàn tự nguyện nên các các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Yêu cầu của ông D buộc

ông H1, bà Đ phải liên đới trả số tiền mua phân bón còn nợ vốn gốc 176.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự 2015 (BLDS 2015) cũng phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án nên được Tòa án chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông H1 đã trả cho ông D số tiền là 20.000.000 đồng, ông H1 và người đại diện theo pháp luật của ông D là ông Trần Hoàng H đã giao nhận xong số tiền 20.000.000 đồng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông H1, bà Đ còn phải liên đới trả cho ông D số tiền là 156.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành D – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thành D đối với bị đơn là ông Trần Văn H1, bà Trần Thị Đ về việc ông D yêu cầu ông H1, bà Đ liên đới trả số tiền lãi tính từ ngày khởi kiện 20/01/2023 đến khi tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, lãi suất yêu cầu 1,5% /tháng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn H1 đã trả cho ông Nguyễn Thành D số tiền là 20.000.000 đồng (Hai chục triệu đồng). Ông H1 và người đại diện hợp pháp của ông D là ông Trần Hoàng H đã giao, nhận đủ tiền vào ngày 13/4/2023 (dương lịch).

Buộc ông H1, bà Đ phải liên đới thanh toán cho ông D tiền mua hàng còn nợ là 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Án phí:

Ông D rút một phần yêu cầu khởi kiện và được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại nên ông được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004416 ngày 10/02/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ông H1, bà Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Cẩm Tú**

